

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tình hình ứng dụng, chuyển giao công nghệ tại dự án đầu tư

(Kèm theo Công văn số:/SKHCN-QLCN ngày/...../2026 của Sở KH&CN)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Địa điểm thực hiện:
4. Mục tiêu, quy mô công suất:
5. Tổng vốn đầu tư:
6. Tình trạng dự án: (Đang xây dựng / Đang vận hành thử nghiệm / Đang sản xuất ổn định/ Tình trạng khác...).

II. TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

1. Danh mục công nghệ, thiết bị chính đang sử dụng:

- Mô tả quy trình công nghệ tóm tắt (Kèm theo sơ đồ dây chuyền sản xuất nếu có).
- Liệt kê danh mục máy móc, thiết bị chính (Tên thiết bị, nước sản xuất, năm sản xuất, công suất, tình trạng mới/cũ). (Theo phụ lục đính kèm).

2. Đánh giá trình độ công nghệ:

(Theo phiếu đánh giá trình độ công nghệ đính kèm)

3. Hiệu quả ứng dụng công nghệ:

- Năng suất thực tế so với thiết kế.
- Chất lượng sản phẩm (Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đang áp dụng: ISO, HACCP, GMP...).
- Mức độ tiêu hao năng lượng, nguyên nhiên liệu trên một đơn vị sản phẩm.

III. TÌNH HÌNH CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ (CGCN)

Nếu dự án có thực hiện hoạt động mua bán, chuyển giao bí quyết, kỹ thuật từ đối tác bên ngoài.

1. Hình thức chuyển giao: (Mua bản quyền, thuê chuyên gia, nhận chuyển giao máy móc đi kèm bí quyết kỹ thuật...).
2. Đối tượng chuyển giao: (Bí quyết kỹ thuật, công thức, giải pháp tối ưu hóa, đào tạo kỹ năng...).
3. Tình trạng đăng ký hợp đồng CGCN: (Đã đăng ký/Chưa đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước).

4. Kết quả tiếp nhận: Đội ngũ kỹ thuật của đơn vị đã làm chủ được công nghệ ở mức độ nào?

IV. CÔNG TÁC ĐẢM BẢO MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN

1. Các biện pháp xử lý chất thải (khí thải, nước thải, rác thải công nghiệp) gắn liền với công nghệ đang áp dụng.
2. Các chứng chỉ về môi trường và an toàn lao động đã đạt được.

V. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn trong việc vận hành, bảo trì hoặc tìm kiếm linh kiện thay thế.
2. Khó khăn về cơ chế, chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ của nhà nước.
3. Đề xuất, kiến nghị với Sở KH&CN và các cấp có thẩm quyền.

PHỤ LỤC
Danh mục máy móc, thiết bị chính trong dự án đầu tư

STT	Tên máy móc/thiết bị chính	Xuất xứ	Năm sản xuất	Công suất	Ghi chú

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ

(Dành cho chủ đầu tư tự đánh giá)

Nhóm 1: Mức độ hiện đại của dây chuyền thiết bị

1. Năm sản xuất trung bình của hệ thống máy móc, thiết bị chính tại dự án:

- A. Dưới 5 năm (Rất mới)
- B. Từ 5 - 10 năm
- C. Từ 10 - 20 năm
- D. Trên 20 năm

2. Xuất xứ của các thiết bị chính:

- A. Nhóm các nước G7, Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản
- B. Nhóm các nước NIEs (Hàn Quốc, Đài Loan...)
- C. Trung Quốc, ASEAN
- D. Sản xuất trong nước (Nội địa)

3. Tình trạng thiết bị khi nhập khẩu/đưa vào dự án:

- A. Mới 100%
- B. Đã qua sử dụng nhưng còn trên 80% giá trị
- C. Đã qua sử dụng, được tân trang lại
- D. Thiết bị cũ, lạc hậu

Nhóm 2: Mức độ tự động hóa và Chuyển đổi số

4. Mức độ tự động hóa của dây chuyền sản xuất:

- A. Tự động hóa hoàn toàn (Điều khiển bằng máy tính/Robot)
- B. Tự động hóa từng phần (Có các module tự động lẻ tẻ)
- C. Cơ giới hóa (Sử dụng máy móc nhưng cần nhiều thao tác thủ công)
- D. Thủ công là chính

5. Việc áp dụng phần mềm quản lý trong vận hành công nghệ:

- A. Đã áp dụng các hệ thống thông minh (ERP, MES, Cloud, AI...)
- B. Sử dụng các phần mềm quản lý chuyên dụng (Kế toán, Kho, bán hàng)
- C. Chỉ sử dụng các ứng dụng văn phòng cơ bản (Excel, Word)
- D. Chưa ứng dụng phần mềm

Nhóm 3: Hiệu quả sử dụng tài nguyên và Môi trường

6. Định mức tiêu hao năng lượng (điện, nước, nhiên liệu) của công nghệ:

- A. Thấp hơn so với trung bình ngành (Tiết kiệm năng lượng)
- B. Tương đương mức trung bình ngành
- C. Cao hơn mức trung bình ngành
- D. Chưa có hệ thống đo lường cụ thể

7. Hệ thống xử lý chất thải gắn liền với quy trình công nghệ:

- A. Công nghệ sản xuất sạch hơn (Giảm thiểu thải tại nguồn)
- B. Hệ thống xử lý cuối đường ống đạt chuẩn quy chuẩn quốc gia (QCVN)
- C. Hệ thống xử lý đang trong quá trình hoàn thiện
- D. Chưa có hệ thống xử lý chuyên biệt

Nhóm 4: Năng lực làm chủ công nghệ và Chuyển giao

8. Đội ngũ nhân lực vận hành công nghệ:

- A. Hoàn toàn làm chủ công nghệ, có khả năng tự sửa chữa, cải tiến
- B. Làm chủ được quy trình vận hành nhưng phụ thuộc chuyên gia khi có sự cố
- C. Đang trong giai đoạn đào tạo, chuyển giao
- D. Phụ thuộc hoàn toàn vào đơn vị cung cấp thiết bị

9. Hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) tại dự án:

- A. Có bộ phận R&D riêng và ngân sách đầu tư hàng năm
- B. Có thực hiện cải tiến kỹ thuật định kỳ nhưng không có bộ phận chuyên trách
- C. Chỉ thực hiện duy tu, bảo dưỡng theo định kỳ
- D. Không có hoạt động R&D

Cách tính điểm:

- Mỗi câu chọn A:** 4 điểm (Công nghệ tiên tiến/Hiện đại)
- Mỗi câu chọn B:** 3 điểm (Công nghệ trung bình khá)
- Mỗi câu chọn C:** 2 điểm (Công nghệ trung bình)
- Mỗi câu chọn D:** 1 điểm (Công nghệ lạc hậu/Cần lưu ý)

Tổng điểm từ 32 - 36: Dự án có trình độ công nghệ tiên tiến, hiện đại, cần khuyến khích nhân rộng.

Tổng điểm dưới 15: Dự án có nguy cơ lạc hậu về công nghệ, cần có kế hoạch đổi mới công nghệ.